

Bản án số: 10/2025/DS-ST
Ngày: 13-01-2025
“V/v tranh chấp Hợp đồng vay tài sản”

NHÂN DANH
NƯỚC CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM

TÒA ÁN NHÂN DÂN THÀNH PHỐ VINH LONG, TỈNH VINH LONG

- *Thành phần Hội đồng xét xử sơ thẩm gồm có:*
Thẩm phán - Chủ tọa phiên tòa: Bà Đặng Thị Mỹ Thuận
Các Hội thẩm nhân dân: Ông Lê Văn Thới
Bà Lê Thị Kiều Oanh
- *Thư ký phiên tòa:* Bà Nguyễn Ngọc Trà My – Thư ký Tòa án nhân dân thành phố Vinh Long, tỉnh Vĩnh Long.
- *Đại diện Viện kiểm sát nhân dân thành phố Vĩnh Long tham gia phiên tòa:*
Bà Phùng Kim Tho – Kiểm sát viên.

Trong ngày 13 tháng 01 năm 2025, tại trụ sở Tòa án nhân dân thành phố Vĩnh Long, tỉnh Vĩnh Long xét xử sơ thẩm công khai vụ án thụ lý số: 352/2024/TLST-DS ngày 09 tháng 10 năm 2024 về việc “tranh chấp hợp đồng vay tài sản”, theo Quyết định đưa vụ án ra xét xử số: 271/2024/QĐXX-ST ngày 02 tháng 12 năm 2024 giữa các đương sự:

- *Nguyên đơn:* Bà **Đào Thị Thủy T**, sinh năm 1991. Nơi cư trú: số nhà C, Khóm A, Phường D, thành phố V, tỉnh Vĩnh Long (vắng mặt).
- Người đại diện hợp pháp của nguyên đơn: Ông **Võ Minh S**, sinh năm 1977. Nơi cư trú: ấp H, xã H, huyện V, tỉnh Vĩnh Long (Giấy ủy quyền ngày 08/8/2024). Có mặt.
- *Bị đơn:* Bà **Nguyễn Thị Kiều A**, sinh năm 1991. Nơi cư trú: số nhà A, đường N, Phường E, thành phố V, tỉnh Vĩnh Long (vắng mặt).

NỘI DUNG VỤ ÁN:

Theo đơn khởi kiện ngày 08/8/2024 cùng quá trình giải quyết vụ án, nguyên đơn Đào Thị Thủy T do ông Võ Minh S là người đại diện hợp pháp trình bày:

Bà T và bà Nguyễn Thị Kiều A quen biết nhau. Từ trước đến nay bà T cho bà A vay tiền nhiều lần, bà T đã giao tiền cho bà A bằng hình thức chuyển khoản vào số tài khoản của bà Nguyễn Thị Kiều A số 3164917 tại Ngân hàng TMCP Á. Cụ thể: ngày 03/4/2023 bà T chuyển 499.999.999đ tới bà Nguyễn Thị Kiều A, ngày 22/4/2023 bà T chuyển 300.000.000đ tới bà Nguyễn Thị Kiều A, tổng cộng 800.000.000đ. Sau đó, bà A đã trả bà T 200.000.000đ, chỉ còn nợ 600.000.000đ, nên vào ngày 25/4/2023 bà T và bà Kiều A thỏa thuận lập Hợp đồng vay tiền, số tiền vay 600.000.000 đồng (Sáu trăm triệu đồng), lãi suất thỏa thuận 4%/tháng, thời hạn 24 tháng, bắt đầu tính lãi kể từ ngày 01/5/2023, bà Kiều A vay để kinh doanh, bà T và bà A cùng ký tên vào hợp đồng.

Sau khi ký Hợp đồng vay tiền, bà T và bà A không thực hiện theo nội dung thỏa thuận tại Điều 2 của Hợp đồng mà thống nhất thỏa thuận lại theo nội dung bà Kiều A ghi chú phía dưới phần ký tên của hợp đồng có nội dung “Bên B trả đủ tiền cho bên A trong 01 năm và được trả theo nhiều lần như thỏa thuận ban đầu của hai bên. Sau mỗi lần trả thì số tiền lãi sẽ được giảm lại theo số tiền vay còn lại”, lãi suất vẫn thỏa thuận 4%/tháng, bà Kiều A cam kết sẽ trả đủ tiền gốc trong vòng 01 năm đến ngày 01/5/2024.

Để đảm bảo nợ vay, bà Kiều A có thể chấp cho bà T quyền sử dụng đất thửa 254, tờ bản đồ số 7, diện tích 393,9m², mục đích sử dụng: đất trồng cây lâu năm, tọa lạc Phường E, thành phố V, tỉnh Vĩnh Long. Giấy chứng nhận số phát hành BX 875636, số vào sổ CH10476 do Ủy ban nhân dân thành phố V cấp ngày 16/7/2015, chỉnh lý mặt 3 ngày 14/8/2017 đứng tên Nguyễn Thị Kiều A. Bà T giữ bản chính giấy chứng nhận quyền sử dụng đất trên để làm tin chứ không thực hiện thủ tục đăng ký giao dịch bảo đảm tại cơ quan có thẩm quyền.

Từ ngày vay tiền cho đến nay bà Kiều A không đóng lãi cũng không trả tiền gốc. Bà T nhiều lần yêu cầu nhưng bà Kiều A không trả và cố tình né tránh. Bà T đến nhà bà A tìm nhưng chỉ gặp mẹ bà A, không gặp bà A, điện thoại cho bà A thì không liên lạc được. Nay bà T khởi kiện yêu cầu Tòa án nhân dân thành phố Vĩnh Long giải quyết: Buộc bà Kiều A trả cho bà T nợ gốc 600.000.000 đồng, lãi trong hạn: $600.000.000 \text{ đồng} \times 1,66\%/\text{tháng} \times 12 \text{ tháng}$ (từ ngày 01/5/2023 đến ngày 01/5/2024) = 119.520.000 đồng và lãi quá hạn: từ ngày 02/5/2024 đến ngày khởi kiện là ngày 08/08/2024 là 3 tháng 06 ngày (tính tròn 3 tháng): $600.000.000 \text{ đồng} \times (1,66\% \times 150\%) \times 03 \text{ tháng} = 44.820.000 \text{ đồng}$. Tổng cộng gốc và lãi phải trả

764.340.000 đồng. Bà T yêu cầu tiếp tục tính lãi từ ngày nộp đơn khởi kiện cho đến ngày Tòa án đưa vụ án ra xét xử; Bà Tiên đồng ý trả lại giấy chứng nhận quyền sử dụng đất cho bà Nguyễn Thị Kiều A sau khi bà Kiều A hoàn thành nghĩa vụ trả hết nợ cho bà T.

Đối với bị đơn bà Nguyễn Thị Kiều A: Bà Nguyễn Thị Kiều A đã được Tòa án tổng đạt Thông báo thụ lý vụ án, Thông báo về phiên họp kiểm tra việc giao nộp tiếp cận công khai chứng cứ, hòa giải nhưng bị đơn vắng mặt không có lý do, không có bản khai trình bày ý kiến đối với yêu cầu khởi kiện của nguyên đơn, nên không tiến hành hòa giải được.

Tại phiên tòa sơ thẩm:

Ông S là người đại diện hợp pháp của nguyên đơn giữ nguyên yêu cầu khởi kiện: về nợ gốc yêu cầu bị đơn trả 600.000.000 đồng; lãi trong hạn: 119.520.000 đồng, lãi quá hạn tính từ ngày 02/5/2024 đến 13/01/2025 (tính tròn 08 tháng) là 119.520.000 đồng, tổng cộng vốn lãi là: 839.040.000đ và yêu cầu tính lãi từ ngày tiếp theo của ngày xét xử sơ thẩm đến khi bị đơn thanh toán xong nợ cho nguyên đơn; đồng ý trả lại bản chính giấy chứng nhận quyền sử dụng đất cho bà Kiều A sau khi bà Kiều A hoàn thành nghĩa vụ trả hết nợ cho bà T.

Đại diện Viện kiểm sát trình bày quan điểm:

- Về việc tuân theo pháp luật tố tụng: nguyên đơn, người đại diện hợp pháp của nguyên đơn chấp hành đúng quy định của Bộ luật Tố tụng dân sự; bị đơn đã được triệu tập họp lệ đến lần thứ hai nhưng vẫn vắng mặt, nên Tòa án xử vắng mặt bị đơn là đúng quy định tại Điều 227 và 228 của Bộ luật Tố tụng dân sự.

- Về việc giải quyết vụ án: Đề nghị Hội đồng xét xử áp dụng các Điều 26, 35, 39, 147, 227 của Bộ luật Tố tụng dân sự; các Điều 463, 466, 468, 470 của Bộ luật Dân sự; Điều 26 Nghị quyết 326/2016/UBTVQH-14 ngày 30/12/2016 chấp nhận yêu cầu khởi kiện của nguyên đơn. Buộc bị đơn Nguyễn Thị Kiều A trả nguyên đơn tổng cộng 839.040.000đ; Buộc bà Đào Thị Thủy T có nghĩa vụ trả bản chính Giấy chứng nhận quyền sử dụng đất thửa 254, tờ bản đồ số 7 tọa lạc Phường E, thành phố V, tỉnh Vĩnh Long do Ủy ban nhân dân thành phố V cấp ngày 16/7/2015 cho bà Nguyễn Thị Kiều A; bà T nộp 300.000đ án phí; bà Kiều A phải nộp 37.171.000đ án phí.

NHẬN ĐỊNH CỦA TÒA ÁN:

Căn cứ vào tài liệu, chứng cứ đã được xem xét tại phiên tòa, kết quả tranh tụng tại phiên tòa. Hội đồng xét xử nhận định:

[1] Về thủ tục tố tụng:

Bà T khởi kiện yêu cầu bà A trả tiền vay vì cho rằng quyền và lợi ích bị xâm phạm nên được quyền khởi kiện. Bị đơn cư trú tại thành phố V. Căn cứ các Điều 26, 35, 36, 39 của Bộ luật Tố tụng dân sự, vụ án thuộc thẩm quyền giải quyết của Tòa án nhân dân thành phố Vĩnh Long.

Căn cứ kết quả xác minh ngày 13/12/2024 của Công an P1, thành phố V xác định: đương sự Nguyễn Thị Kiều A, sinh năm 1991 có đăng ký thường trú tại số A, N, Phường E, thành phố V, tỉnh Vĩnh Long. Hiện nay không sinh sống tại địa phương. Nguyễn Thị Kiều A có Cao Thị H đứng chủ hộ là mẹ. Do đó, đủ cơ sở xác định địa chỉ đăng ký hộ khẩu thường trú của bà A vẫn còn tại số nhà S, N, Phường E, thành phố V, tỉnh Vĩnh Long, không còn địa chỉ nào khác. Hiện nay, bà A không còn sinh sống tại số A, N, Phường E, thành phố V, tỉnh Vĩnh Long nhưng không báo địa chỉ mới cho người khởi kiện và Tòa án biết. Như vậy thuộc trường hợp người bị kiện thay đổi nơi cư trú mà không báo cho người khởi kiện biết về nơi cư trú mới theo quy định tại khoản 3 Điều 40 của Bộ luật Dân sự năm 2015 là cố tình giấu địa chỉ nên Tòa án tiếp tục giải quyết vụ án theo thủ tục chung.

Tòa án đã tổng đạt hợp lệ thủ tục xét xử và giấy triệu tập tham dự phiên tòa sơ thẩm: lần 01 vào ngày 25/12/2024, lần 02 vào ngày 13/01/2025 nhưng bà A đều vắng mặt không lý do nên Hội đồng xét xử quyết định xét xử vắng mặt bà A theo quy định tại Điều 227, 228 của Bộ luật Tố tụng dân sự.

[2] Về nội dung.

[2.1] Bà T khởi kiện yêu cầu bà Nguyễn Thị Kiều A trả nợ vay theo Hợp đồng vay tiền ngày 25/4/2023, số tiền vay 600.000.000 đồng (Sáu trăm triệu đồng).

Nguyên đơn trình bày từ ngày vay tiền đến nay bị đơn chưa thanh toán nợ gốc, lãi. Quá trình giải quyết vụ án, Tòa án đã tổng đạt hợp lệ các văn bản tố tụng cho bị đơn tại địa chỉ nơi cư trú của bị đơn nhưng bị đơn không có ý kiến phản đối các tình tiết, sự kiện nguyên đơn yêu cầu nên đây là tình tiết sự kiện không phải chứng minh theo quy định tại Điều 92 của Bộ luật Tố tụng dân sự. Do đó, yêu cầu khởi kiện của nguyên đơn là phù hợp với bản chính “Hợp đồng vay tiền” ngày 25/4/2023 (BL 22), nên đủ căn cứ chấp nhận theo quy định tại Điều 466 của Bộ luật Dân sự.

[2.2] Về lãi suất của khoản vay:

Xét thấy, theo hợp đồng vay tiền ngày 25/4/2023 xác định thời hạn vay là 24 tháng (từ ngày 01/5/2023 đến ngày 01/5/2025), nhưng tại trang cuối của Hợp đồng vay (BL 21-22) bà Kiều A có ghi “... Bên B trả đủ tiền cho bên A trong 01 năm...”,

lãi suất thỏa thuận 4%/tháng, nên xác định đây là loại hợp đồng vay có kỳ hạn và có lãi suất quy định tại khoản 2 Điều 470 của Bộ luật Dân sự. Nguyên đơn yêu cầu lãi trong hạn và lãi quá hạn là có căn cứ, nên chấp nhận.

Tuy nhiên, mức lãi suất thỏa thuận 4%/tháng là vượt quá mức lãi suất theo quy định của pháp luật. Nguyên đơn bà T tự nguyện điều chỉnh lãi suất 1,66%/tháng là phù hợp với quy định tại khoản 1 Điều 468 của Bộ luật Dân sự năm 2015 và điểm a khoản 2 Điều 5 Nghị quyết số 01/2019/NQ-HĐTP ngày 11/01/2019 của Hội đồng Thẩm phán Tòa án nhân dân tối cao quy định về lãi, lãi suất là có căn cứ chấp nhận.

Lãi trong hạn: $600.000.000 \text{ đồng} \times 1,66\%/\text{tháng} \times 12 \text{ tháng}$ (từ ngày 01/5/2023 đến ngày 01/5/2024) = 119.520.000 đồng.

Nguyên đơn yêu cầu tính lãi suất quá hạn là 150% lãi suất trong hạn tính từ ngày 02/5/2024 đến ngày xét xử sơ thẩm ngày 13/01/2025 là phù hợp với quy định của pháp luật. Lãi quá hạn: từ ngày 02/5/2024 đến ngày xét xử sơ thẩm là ngày 13/01/2025 là 8 tháng 11 ngày (tính tròn 8 tháng): $600.000.000 \text{ đồng} \times (1,66\% \times 150\%) \times 08 \text{ tháng} = 119.520.000 \text{ đồng}$.

Do đó, Hội đồng xét xử quyết định chấp nhận toàn bộ yêu cầu khởi kiện của bà T. Buộc bà A trả bà T tổng cộng 839.040.000đ và tiếp tục trả lãi đến khi nào trả xong nợ.

[2.3] Ông S là người đại diện hợp pháp của bà T xác định bà T đang giữ bản gốc Giấy chứng nhận quyền sử dụng đất thửa 254, tờ bản đồ số 7, tọa lạc Phường E, thành phố V, tỉnh Vĩnh Long do bà A đứng tên mặt ba Giấy chứng nhận. Mục đích giữ giấy để làm tin chứ không có đăng ký biện pháp bảo đảm theo quy định. Xét, việc bà T giữ bản chính giấy chứng nhận quyền sử dụng đất của bà A là không đúng quy định của pháp luật nên buộc bà T phải trả bà A bản gốc giấy chứng nhận quyền sử dụng đất đang giữ là có căn cứ.

[3] Về án phí sơ thẩm: Buộc nguyên đơn phải nộp án phí dân sự sơ thẩm 300.000đ; Buộc bị đơn phải nộp án phí dân sự sơ thẩm 37.171.200đ (tính tròn 37.171.000đ).

Như phân tích trên nên đề nghị của Kiểm sát viên là có căn cứ chấp nhận.

Vì các lẽ trên,

QUYẾT ĐỊNH:

Áp dụng các Điều 26, 35, 36, 39, 147, 227 và 228 của Bộ luật Tố tụng dân sự; các Điều 463, 464, 465, 466, 468, 470 của Bộ luật Dân sự; khoản 2 Điều 26 của

Nghị quyết 326/2016/UBTVQH-14 ngày 30/12/2016 quy định về mức thu, miễn, giảm, thu, nộp quản lý và sử dụng án phí và lệ phí Tòa án. Tuyên xử:

1. Chấp nhận yêu cầu khởi kiện của bà Đào Thị Thủy T.

Buộc bà Nguyễn Thị Kiều A phải trả bà Đào Thị Thủy T tổng cộng 839.040.000đồng (tám trăm ba mươi chín triệu, không trăm bốn mươi ngàn đồng). Bao gồm: nợ gốc 600.000.000đồng, lãi trong hạn: 119.520.000đồng; lãi quá hạn: 119.520.000đồng.

Kể từ ngày tiếp theo của ngày xét xử sơ thẩm cho đến khi thi hành án xong, bên phải thi hành án còn phải chịu khoản tiền lãi của số tiền còn phải thi hành án theo mức lãi suất các bên thỏa thuận nhưng phải phù hợp với quy định của pháp luật; nếu không thỏa thuận về mức lãi suất thì quyết định theo mức lãi suất quy định tại khoản 2 Điều 468 của Bộ luật Dân sự.

2. Buộc bà Đào Thị Thủy T phải trả bà Nguyễn Thị Kiều A bản gốc Giấy chứng nhận quyền sử dụng đất số phát hành BX 875636, sổ vào sổ cấp GCN: CH10476 do Ủy ban nhân dân thành phố V cấp ngày 16/7/2015 đối với thửa đất 254, tờ bản đồ số 7 tọa lạc Phường E, thành phố V, tỉnh Vĩnh Long do bà Nguyễn Thị Kiều A đứng tên mặt ba Giấy chứng nhận quyền sử dụng đất.

3. Về án phí dân sự sơ thẩm:

Buộc nguyên đơn Đào Thị Thủy T phải nộp án phí dân sự sơ thẩm 300.000đ (ba trăm ngàn đồng), khấu trừ vào số tiền tạm ứng án phí đã nộp 17.346.000đ theo Biên lai thu tiền tạm ứng án phí, lệ phí Tòa án số 0007167 ngày 21/8/2024 của Chi cục Thi hành án dân sự thành phố Vĩnh Long, bà T được hoàn lại 17.046.000đ (mười bảy triệu không trăm bốn mươi sáu ngàn đồng).

Buộc bị đơn Nguyễn Thị Kiều A phải nộp án phí dân sự sơ thẩm 37.171.000đ (ba mươi bảy triệu, một trăm bảy mươi một ngàn đồng).

Trường hợp Bản án, Quyết định được thi hành theo quy định tại Điều 2 Luật Thi hành án dân sự thì Người được thi hành án dân sự, Người phải thi hành án dân sự có quyền thỏa thuận thi hành án, quyền yêu cầu thi hành án, tự nguyện thi hành án hoặc bị cưỡng chế thi hành án theo quy định tại các điều 6, 7, 7a và 9 Luật Thi hành án dân sự; thời hiệu thi hành án được thực hiện theo quy định tại Điều 30 Luật Thi hành án dân sự.

Đương sự có mặt được quyền kháng cáo trong thời hạn 15 ngày kể từ ngày tuyên án. Đối với đương sự vắng mặt được quyền kháng cáo Bản án trong hạn 15

ngày kể từ ngày nhận được Bản án hoặc ngày niêm yết Bản án tại chính quyền địa phương để yêu cầu Tòa án cấp trên xét xử lại phúc thẩm.

Nơi nhận:

- TAND tỉnh VL;
- THADS TPVL;
- VKSND TPVL;
- Các đương sự;
- Lưu Hồ sơ vụ án, TA.

**TM. HỘI ĐỒNG XÉT XỬ SƠ THẨM
THẨM PHÁN - CHỦ TỌA PHIÊN TÒA**

Đặng Thị Mỹ Thuận

